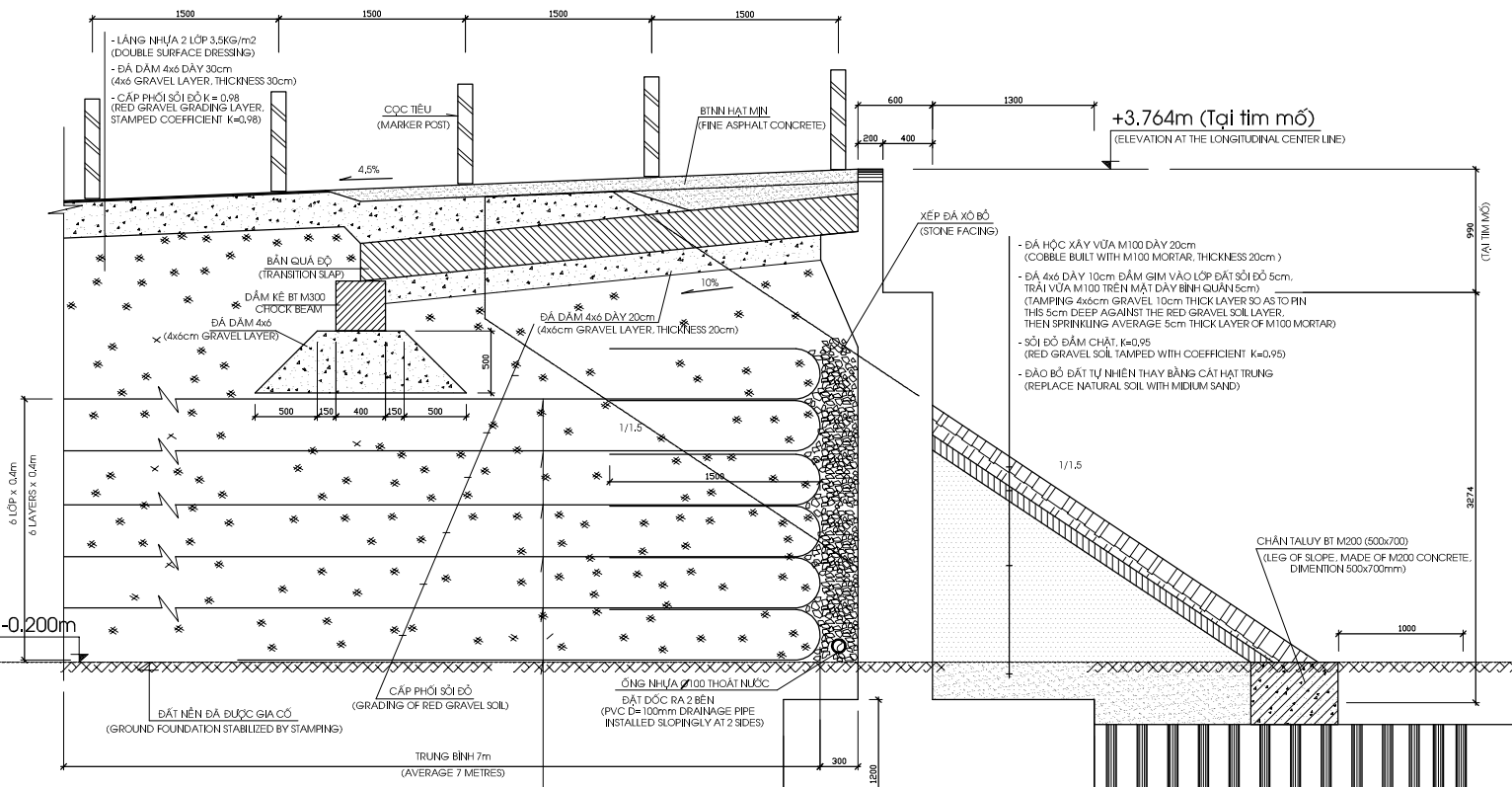


MẶT CẮT M3-M3(TL 1/30)

CROSS SECTION M1-M1 SCALE: 1/30

(GEOTEXTILE LAYOUT AT THE BACK OF THE ABUTMENT)

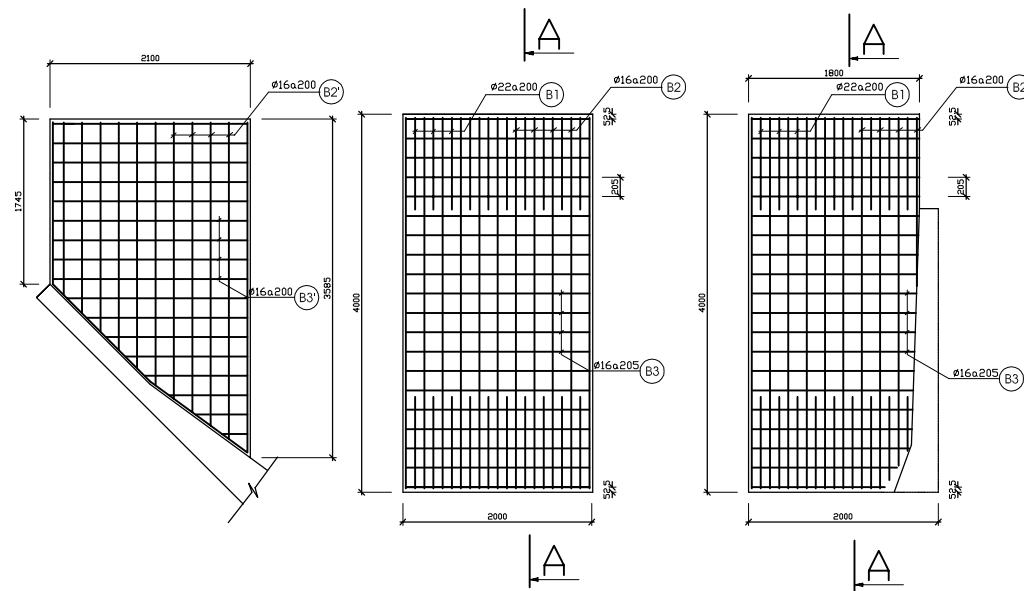


MỔ B

(ABUTMENT B)

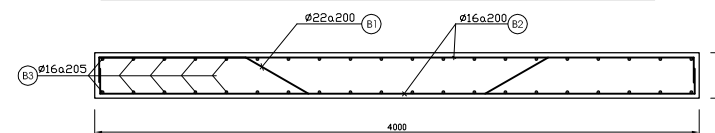
BỐ TRÍ CỐT THÉP BẢN QUÁ ĐỘ (TL 1/40)

REINFORCEMENT LAYOUT PLANE OF TRANSITION SLAP SCALE: 1/40



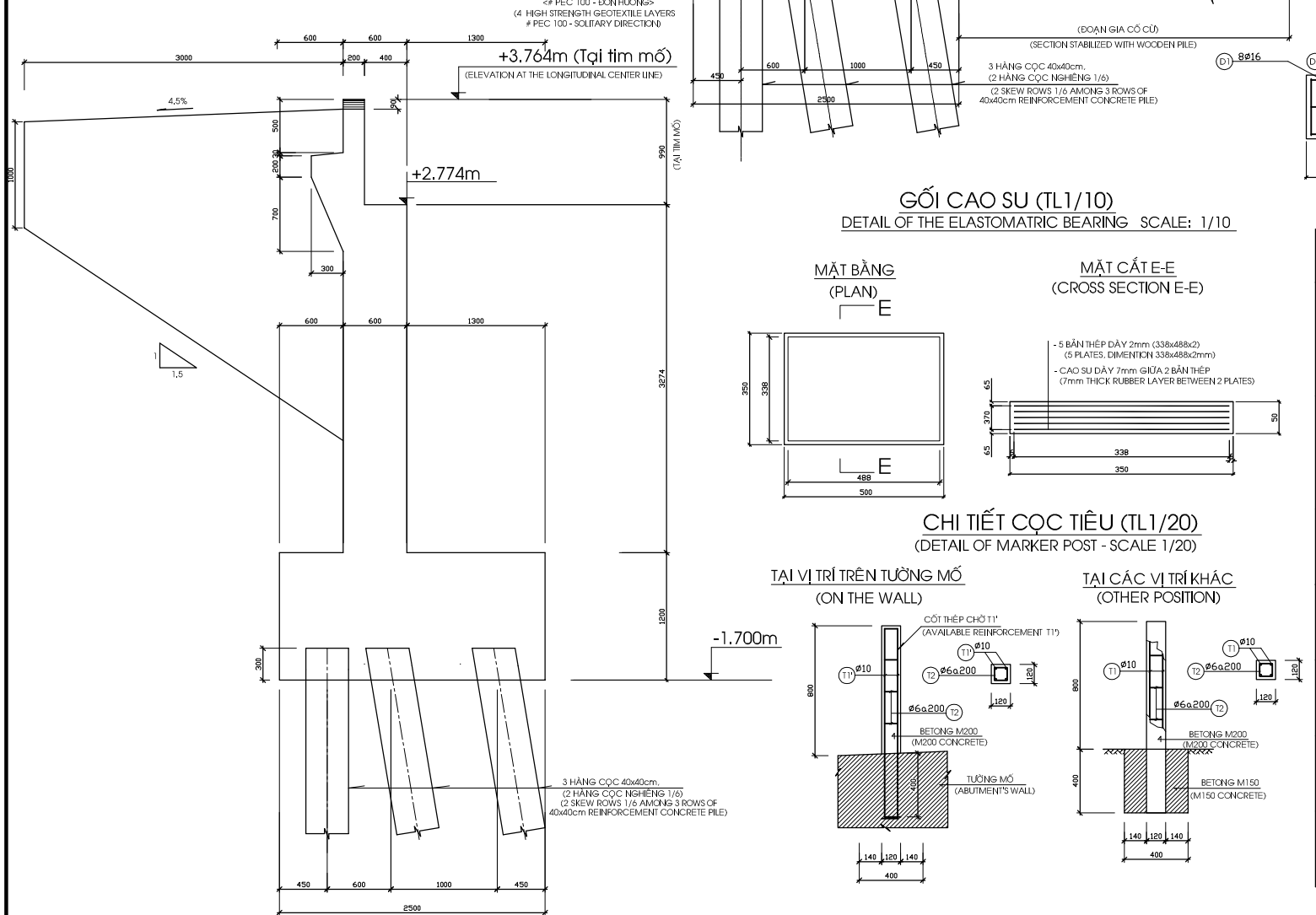
BỐ TRÍ CỐT THÉP MẶT CẮT A - A (TL 1/25)

REINFORCEMENT LAYOUT OF CROSS SECTION A-A SCALE: 1/25



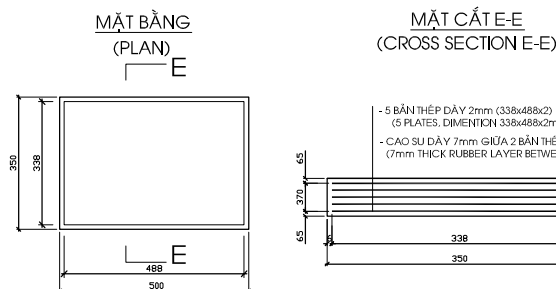
CẤU TẠO MỔ (TL1/30)

STRUCTURE DETAIL OF THE ABUTMENT SCALE: 1/30



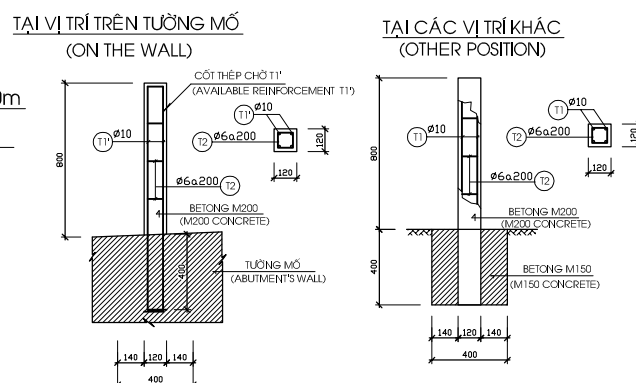
GỖ CAO SU (TL1/10)

DETAIL OF THE ELASTOMERIC BEARING SCALE: 1/10



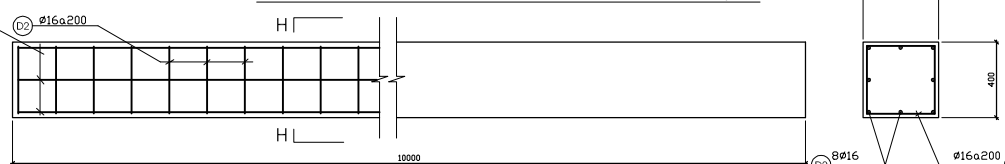
CHI TIẾT CỌC TIÊU (TL1/20)

(DETAIL OF MARKER POST - SCALE 1/20)



BỐ TRÍ CỐT THÉP DẦM KÊ (TL 1/20)

REINFORCEMENT LAYOUT OF CHOCK BEAM SCALE: 1/25



BẢNG THỐNG KÊ CỐT THÉP CHO MỘT ĐƠN VỊ (DETAIL LIST OF REINFORCEMENT)

KẾT CẤU (STRUCTURE)	KÝ HIỆU (SYMBOL)	HÌNH DẠNG (FORM & DIMENSION DETAIL)	Ø	CHÉU DÀI 1 THẠNH (LENGTH OF A PECE) (m)	SỐ THẠNH (SUBTOTAL OF PECE) (PIECE)	TỔNG CHÉU DÀI (SUBTOTAL OF LENGTH) (m)	T/LƯỢNG ĐƠN VỊ (THE UNIT WEIGHT) (kg/m)	TỔNG T/LƯỢNG (TOTAL OF WEIGHT) (kg)
1 BẢN QUÁ ĐỘ (C GIỮA) (1 TRANSITION SLAP IN THE MID POSITION)	B1	970 480 803 30	22	3.703	10	37.03	2.984	110.50
	B2	165 3896 165	16	4.225	22	92.95	1.578	146.77
	B3	4470 120 120	16	1.190	40	87.6	1.578	138.32
1 BẢN QUÁ ĐỘ (CẠNH TƯỜNG THẲNG) (1 TRANSITION SLAP BY THE SIDE WALL)	B1	970 480 803 30	22	3.703	9	37.03	2.984	99.45
	B2	165 3896 165	16	4.225	20	92.95	1.578	133.43
	B3	4470 120 120	16	1.190	40	87.6	1.578	75.16
1 BẢN QUÁ ĐỘ (CẠNH TƯỜNG XÉO) (1 TRANSITION SLAP BY THE WING WALL)	B2'	165 Ltb=1956 165	16	2.286	17	38.86	1.578	61.32
	B3'	120 Ltb=2615 120	16	2.855	12	34.26	1.578	54.06
DẦM KÊ (CHOCK BEAM)	D1	340 240 60	16	1.600	61	97.6	1.578	154.01
	D2	11850	16	11.850	8	94.8	1.578	149.59
DẦM KÊ (CẠNH TƯỜNG XÉO) (CHOCK BEAM BY THE WING WALL)	D1'	340 240 60	16	1.600	15	24	1.578	37.87
	D2'	2820	16	2.820	8	22.56	1.578	35.6
1 CỌC TIÊU (OTHER POSITION)	T1	1200	10	1.200	4	4.8	0.617	2.96
	T2	70 70 45	6	1.85	4	0.74	0.222	0.16
1 CỌC TIÊU (ON THE WALL)	T1'	1200 120	10	1.320	4	5.28	0.617	3.15
	T2	70 70 45	6	1.85	4	0.74	0.222	0.82

GHI CHÚ :

- CỐT THÉP Ø > 10mm DÙNG LOẠI THÉP GÀNH C15
- CỐT THÉP Ø < 10mm DÙNG LOẠI THÉP TRON C15
- ĐƠN VỊ DÙNG TRONG BẢN VẼ LÀ mm

FOOTNOTE :

- TYPE OF REINFORCEMENT Ø > 10mm : USE DEFORMED REINFORCEMENT SYMBOLIZED C15
- TYPE OF REINFORCEMENT Ø < 10mm : USE PLAIN ROUND BAR SYMBOLIZED C15
- THE UNIT USED IN THIS DRAWING IS MILLIMETRE

NO. DATE DESCRIPTIONS BY APPRO.

REVISIONS

PROJECT MANAGEMENT UNIT FOR
HO CHI MINH CITY
WATER ENVIRONMENT IMPROVEMENT

THE DETAILED DESIGN ON HO CHI MINH CITY
WATER ENVIRONMENT IMPROVEMENT PROJECT
IN THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM

PACKAGE E
WASTEWATER TREATMENT PLAN
BẢN TIẾP CẬN
& GIA CỐ TRƯỚC MỔ B
TRANSITION SLAP & STABILIZING IN FRONT OF
THE ABUTMENT B

SCALE : AS SHOWN

JICA JAPAN INTERNATIONAL COOPERATION
AGENCY (JICA)

PACIFIC CONSULTANTS INTERNATIONAL

DESIGNED
KIMURA TORU

CHECKED
KONDO MASAMI

DATE : JUNE 2001 DWG.No.PE-WWTP-220-11

CHÍNH DIỆN TRỤ TỈ LỆ 1/40

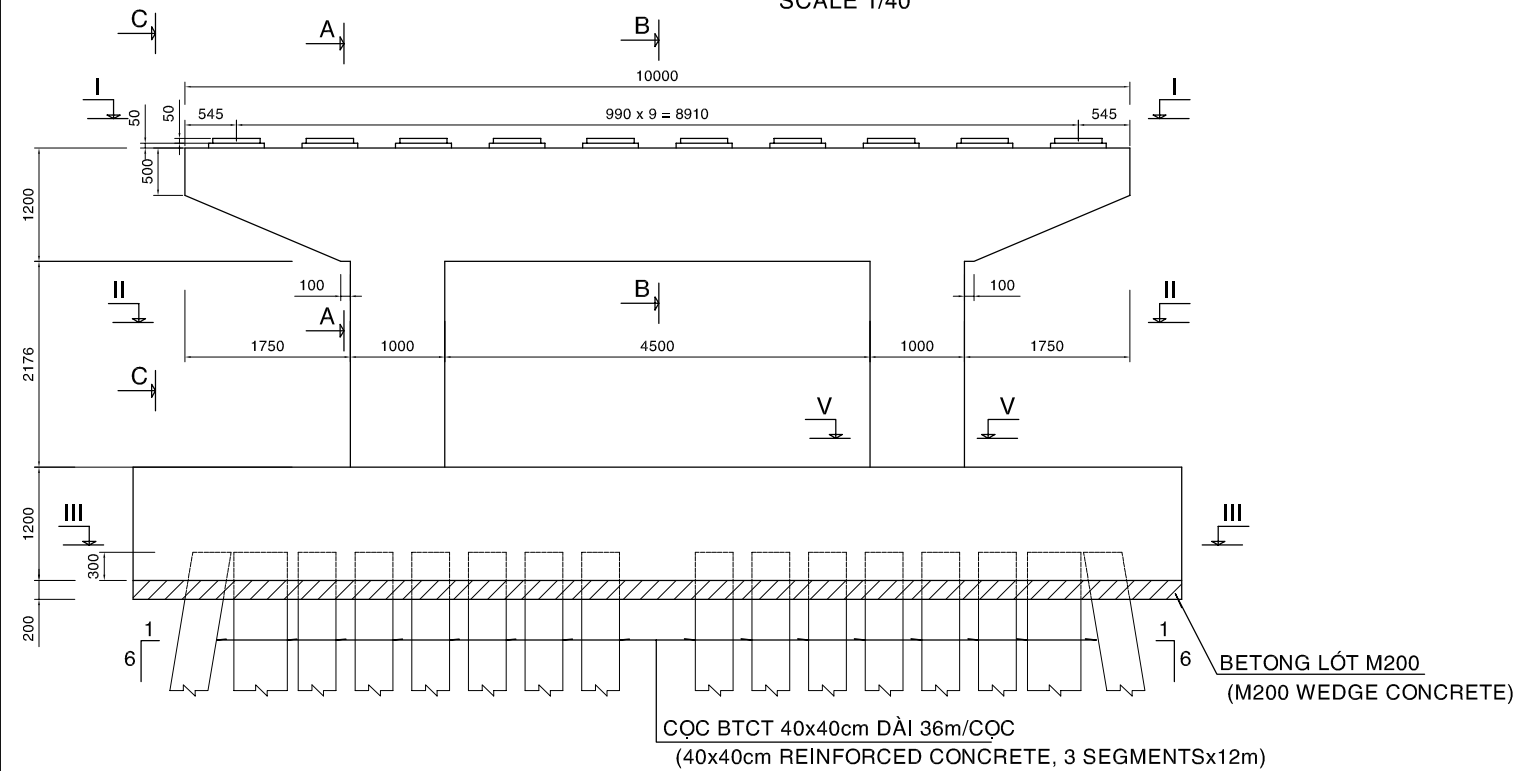
(NHÌN THEO HƯỚNG DỌC TIM CẦU)

(FRONT SIDE OF PIER FOLLOWING THE LONGITUDINAL CENTER LINE)

SCALE 1/40

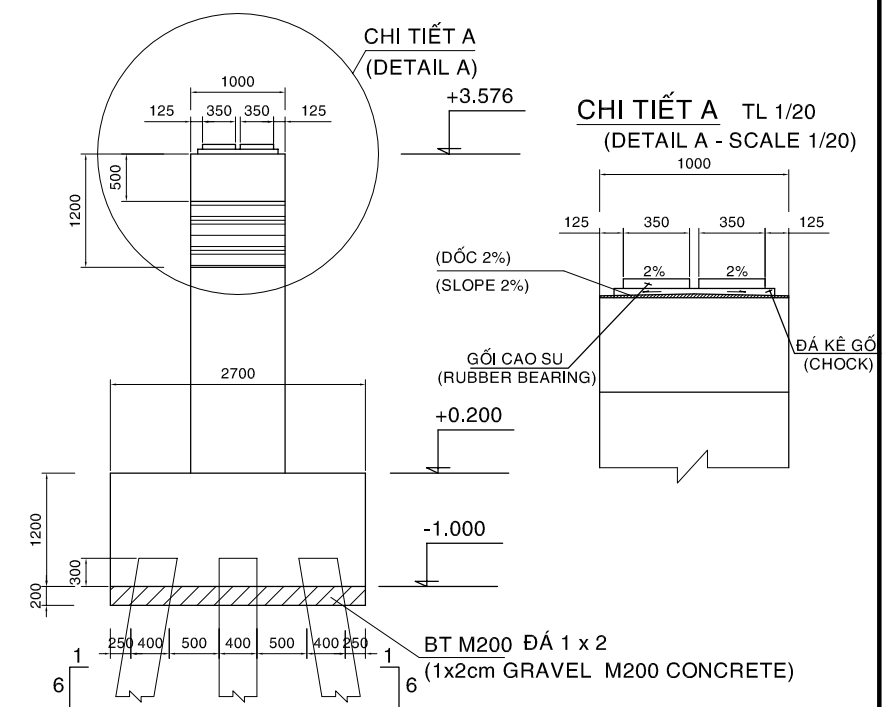
TRỤ CẦU T1 & T4

(THE PIER T1 & T4)



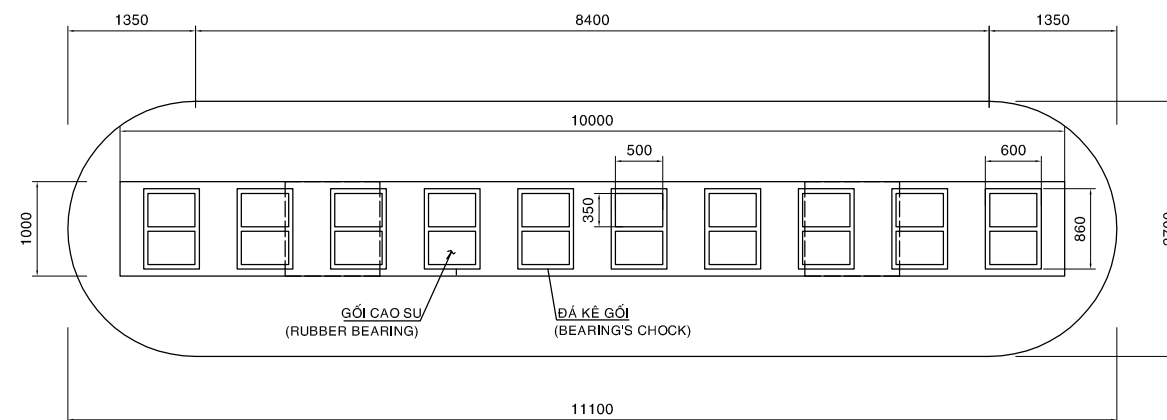
C - C TỈ LỆ 1/40

(NHÌN THEO HƯỚNG NGANG CẦU)
(FOLLOWING THE CROSS LINE) SCALE 1/40



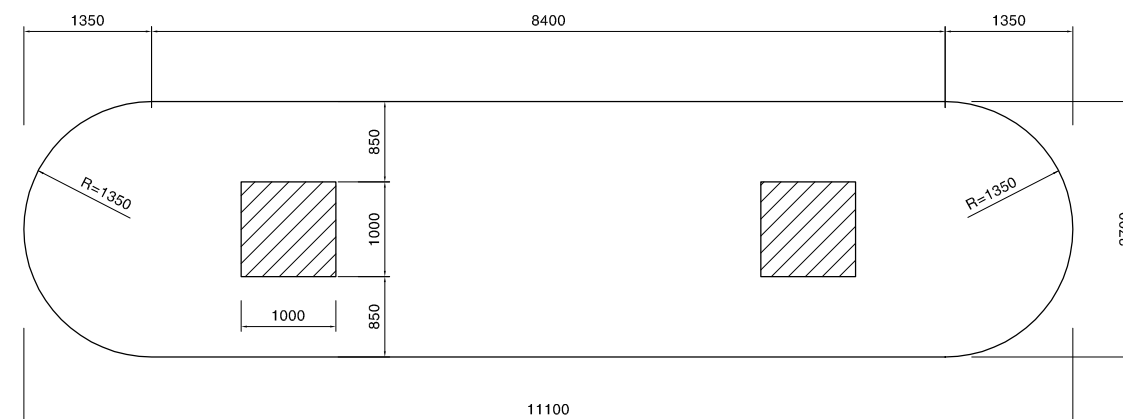
I - I TỈ LỆ 1/40

(SCALE 1/40)



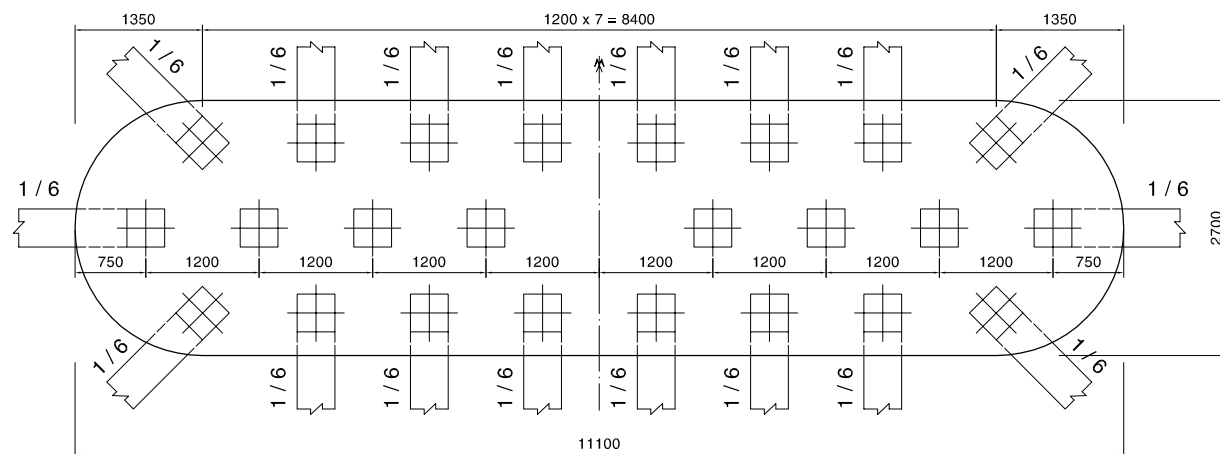
II - II TỈ LỆ 1/40

(SCALE 1/40)



III - III TỈ LỆ 1/40

(SCALE 1/40)



GHI CHÚ

- BÊ TÔNG TRỤ MÁC 250
- CỌC BÊ TÔNG 40 x 40 ĐƯỢC CẮT
- BỎ 1M PHÍA TRÊN ĐỂ NEO CỐT
- THÉP DỌC VÀO BÊ TÔNG BÊ TRỤ
- BÊ TÔNG LÓT MÁC 200
- ĐƠN VỊ GHI TRÊN BẢN VẼ LÀ MM

FOOTNOTE :

- CONCRETE OF THE PIER IS M250
- TYPE OF REINFORCEMENT $\phi > 10$ mm : USE DEFORMED REINFORCEMENT SYMBOLIZED C15
- TYPE OF REINFORCEMENT $\phi < 10$ mm : USE PLAIN ROUND BAR SYMBOLIZED C13
- CUTTING 1 METRE LONG PILE HEAD (CONCRETE PART ONLY, LONGITUDINAL REINFORCEMENT REMAINED AS VERTICAL-TIE SO AS TO ANCHOR TO THE ABUTMENT GRILL'S CONCRETE.)
- THE UNIT USED IN THIS DRAWING IS MILLIMETRE

NO.	DATE	DESCRIPTIONS	BY	APRO.

REVISIONS

PROJECT MANAGEMENT UNIT FOR
HO CHI MINH CITY
WATER ENVIRONMENT IMPROVEMENT

THE DETAILED DESIGN ON HO CHI MINH CITY
WATER ENVIRONMENT IMPROVEMENT PROJECT
IN THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM

PACKAGE E
WASTEWATER TREATMENT PLAN
CẤU TẠO TRỤ T1 & T4
(STRUCTURE OF
THE PIER T1 & T4)

SCALE :

JAPAN INTERNATIONAL COOPERATION
AGENCY (JICA)

PACIFIC CONSULTANTS INTERNATIONAL

DESIGNED
KIMURA TORU

CHECKED
KONDO MASAMI

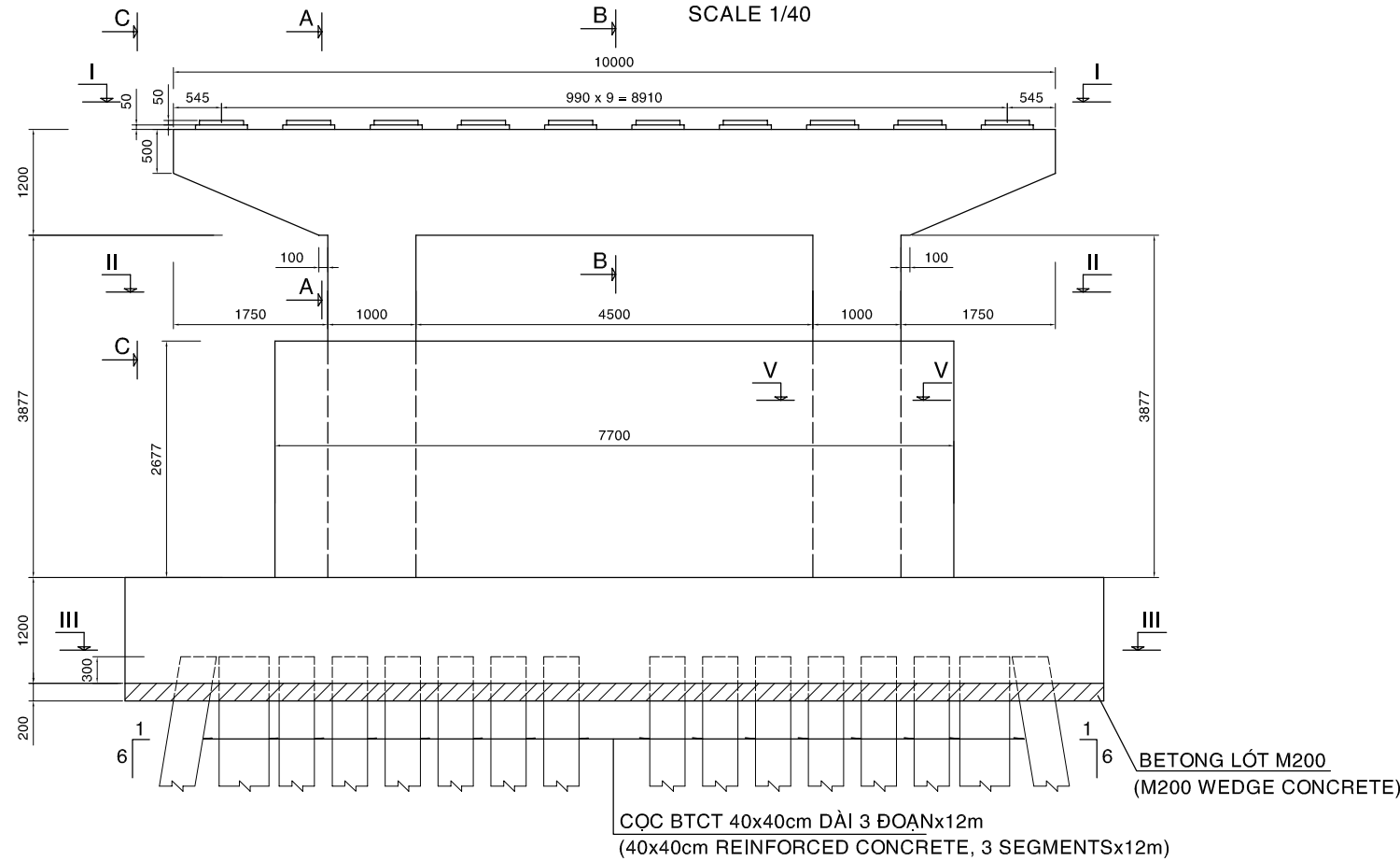
DATE : JUNE 2001

DWG.No.PE-WWTP-220-12

CHÍNH DIỆN TRỤ TỈ LỆ 1/40

(NHÌN THEO HƯỚNG DỌC TIM CẦU)

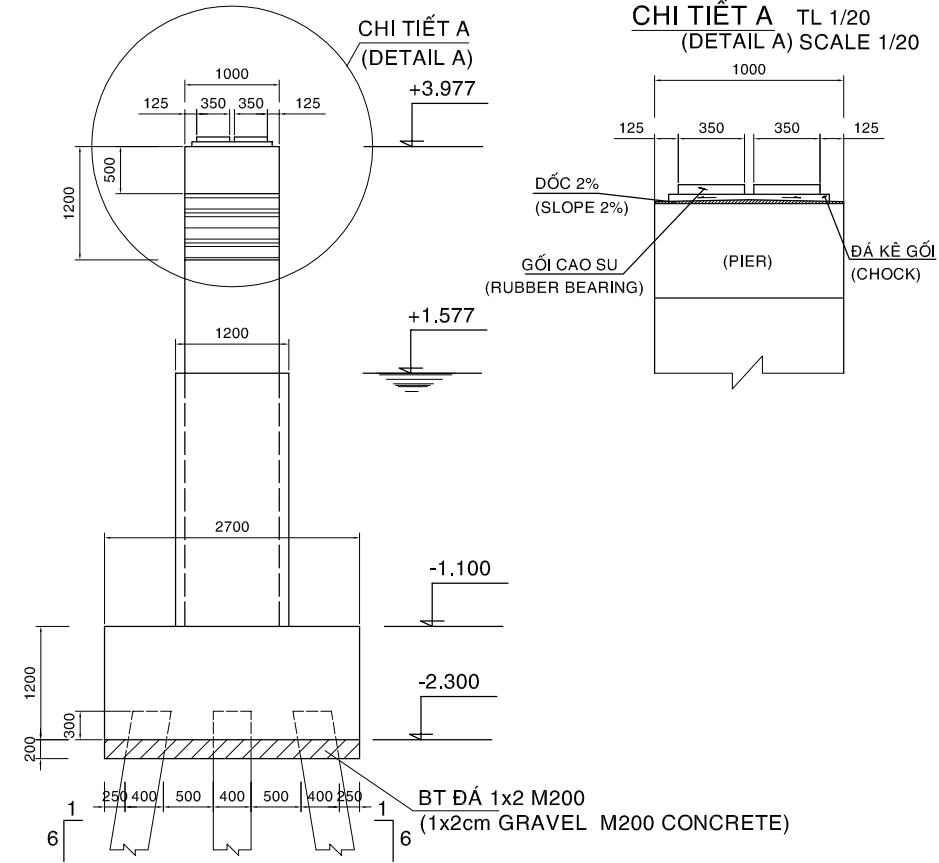
(FRONT SIDE OF PIER FOLLOWING THE LONGITUDINAL CENTER LINE)



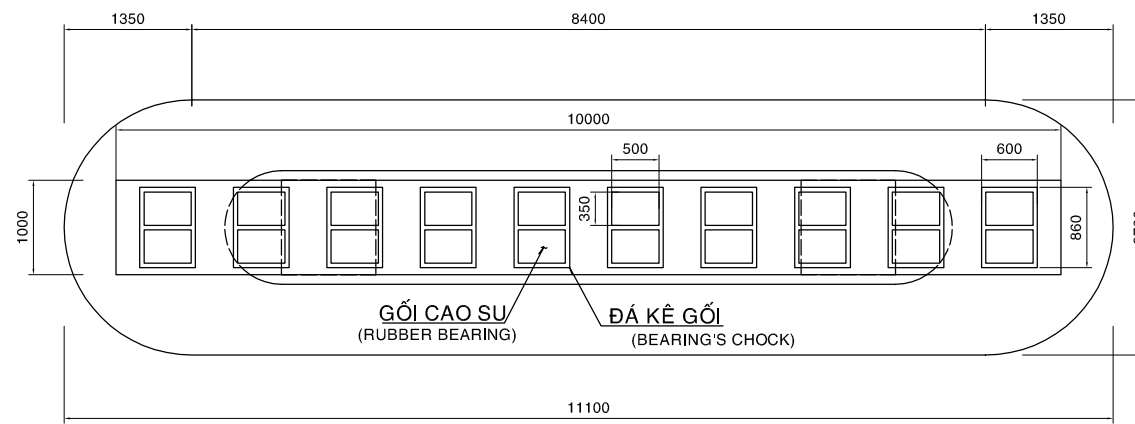
TRỤ CẦU T2 & T3

(PIER T2 AND T3)

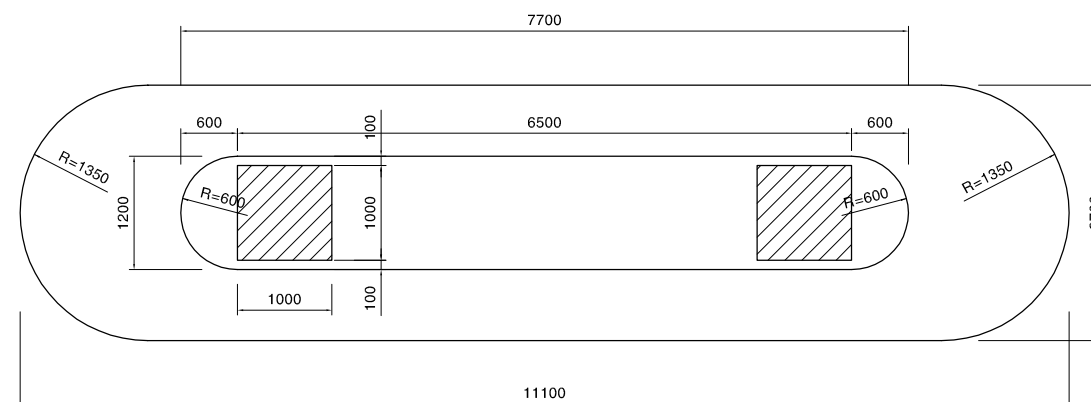
C - C TỈ LỆ 1/40
(NHÌN THEO HƯỚNG NGANG CẦU)
(FOLLOWING THE CROSS LINE) SCALE 1/40



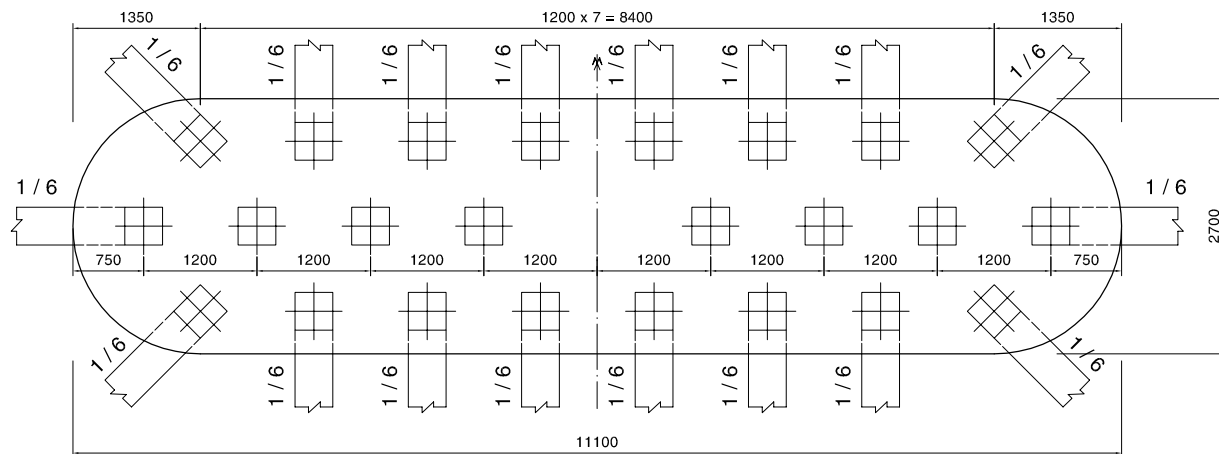
I - I TỈ LỆ 1/40
(SCALE 1/40)



II - II TỈ LỆ 1/50
(SCALE 1/50)



III - III TỈ LỆ 1/40
(SCALE 1/40)



GHI CHÚ

- BÊ TÔNG TRỤ MẠC 250
- CỌC BÊ TÔNG 40x40 ĐƯỢC CÁT BỔ 1M PHÍA TRÊN ĐỂ NÊO CỐT THÉP DỌC VÀO BÊ TÔNG BỆ TRỤ
- BÊ TÔNG LÓT MẠC 200
- ĐƠN VỊ GHI TRÊN BẢN VẼ LÀ MM

FOOTNOTE :

- CONCRETE OF THE PIER IS M250
- TYPE OF REINFORCEMENT $\phi > 10mm$: USE DEFORMED REINFORCEMENT SYMBOLIZED CT5
- TYPE OF REINFORCEMENT $\phi < 10mm$: USE PLAIN ROUND BAR SYMBOLIZED CT3
- CUTTING 1 METRE LONG PILE HEAD (CONCRETE PART ONLY, LONGITUDINAL REINFORCEMENT REMAINED AS VERTICAL-TIE SO AS TO ANCHOR TO THE ABUTMENT) GRILL'S CONCRETE.
- THE UNIT USED IN THIS DRAWING IS MILLIMETRE

NO.	DATE	DESCRIPTIONS	BY	APRO.

REVISIONS

PROJECT MANAGEMENT UNIT FOR
HO CHI MINH CITY
WATER ENVIRONMENT IMPROVEMENT

THE DETAILED DESIGN ON HO CHI MINH CITY
WATER ENVIRONMENT IMPROVEMENT PROJECT
IN THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM

PACKAGE E
WASTEWATER TREATMENT PLAN
CẤU TẠO TRỤ T2 & T3
(STRUCTURE OF
THE PIER T2 & T3)

SCALE :

JAPAN INTERNATIONAL COOPERATION AGENCY (JICA)

PACIFIC CONSULTANTS INTERNATIONAL

DESIGNED
KIMURA TORU

CHECKED
KONDO MASAMI

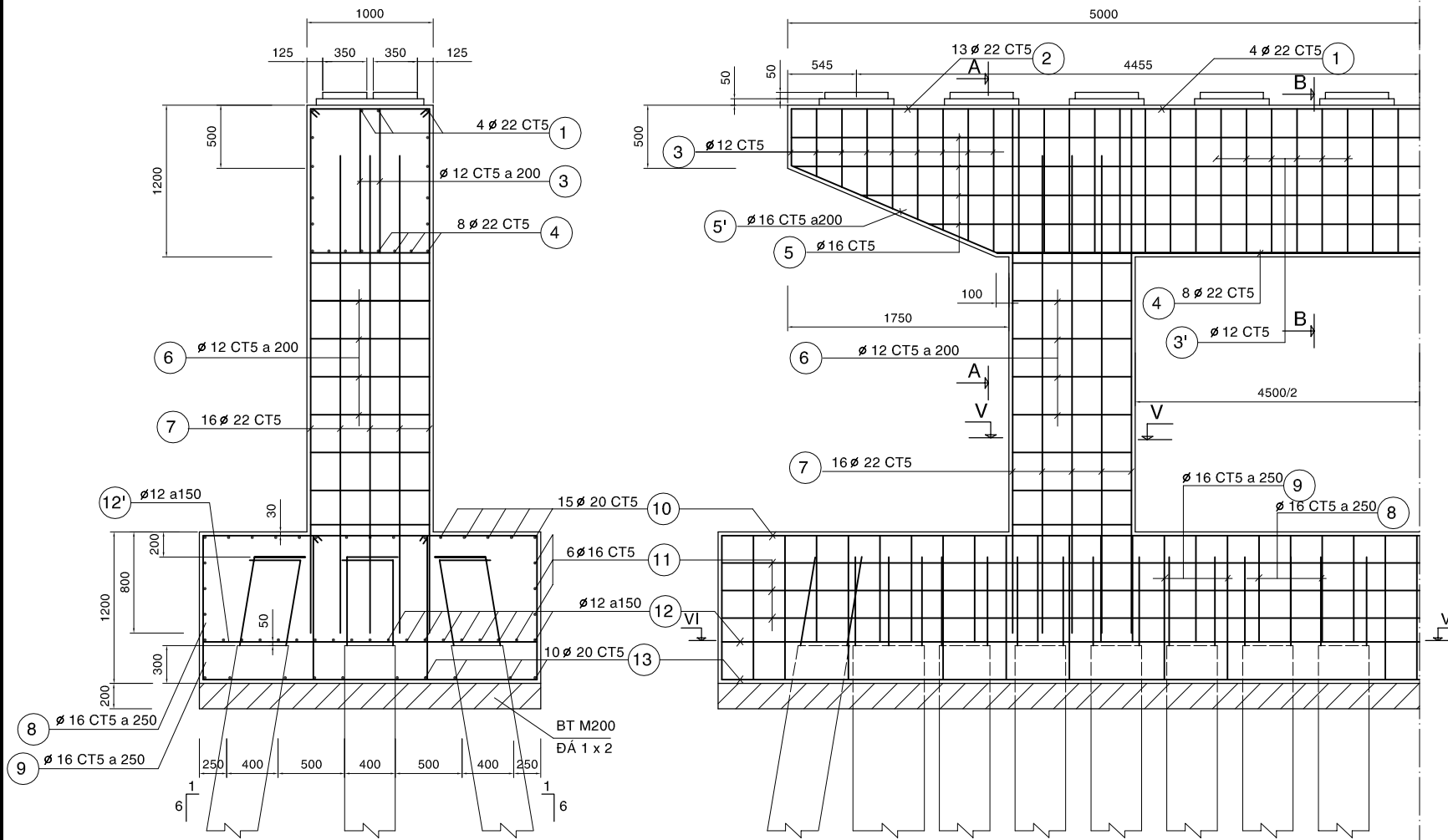
DATE : JUNE 2001

DWG.No. PE-WWTP-220-13

TRỤ CẦU T1 & T4 (THE PIER T1 & T4)

B - B TỈ LỆ 1/25
(SCALE 1/25)

CỐT THÉP CHÍNH DIỆN TRỤ TỈ LỆ 1/25
(FRONT SIDE OF REINFORCEMENT LAYOUT - SCALE 1/25)



BẢNG THỐNG KÊ CỐT THÉP 1 TRỤ T1 (HOẶC T4)
(LIST OF REINFORCEMENT FOR THE PIER T1 OR T4)

KÝ HIỆU (SYMBOL)	MẪU UỐN (FORM & DIMENTION)	Ø	SỐ LƯỢNG (NUMBER OF BAR)	CHIỀU DÀI(m) (LENGTH)		KL Đ/V (UNIT WEIGHT)	KH. LƯỢNG (TOTAL OF WEIGHT)
				1 THANH (01 BAR)	≥THANH (SUBTOTAL)		
1	9950	22	4	9.950	39.800	2.984	118.763
2	2725	22	18	2.725	49.050	2.984	146.365
3	L1 L2 551	12	XEM CHI TIẾT (SEE DETAIL)		0.888	104.368	
3'	1138	12	66	3.558	234.828	0.888	208.527
4	551	22	8	6.650	53.200	2.984	158.749
5	L	16	XEM CHI TIẾT (SEE DETAIL)		1.578	116.099	
5'	90 1742 90	16	12	1.942	23.304	1.578	36.774
6	703 928	12	64	3.442	220.288	0.888	195.616
7	703	22	32	3.776	120.832	2.984	360.563
8	1759 804	16	48	5.366	257.568	1.578	406.442
9	1759 1124	16	42	6.006	252.252	1.578	398.054
10	1759 L	20	XEM CHI TIẾT (SEE DETAIL)		2.466	385.504	
11	L	16	6	9.108	54.648	1.578	86.235
12	L	12	XEM CHI TIẾT (SEE DETAIL)		0.888	176.167	
12'	90 2640 90	12	73	2.820	205.86	0.888	182.8
13	L	20	XEM CHI TIẾT (SEE DETAIL)		2.466	254.195	
14	300 R=2640 300	20	14	4.747	66.458	2.466	163.88

CHI TIẾT CỐT THÉP (DETAIL LIST)					
KÝ HIỆU (SYMBOL)	MẪU UỐN (FORM & DIMENTION)	Ø	SỐ LƯỢNG (NUMBER OF BAR)	CHIỀU DÀI(m) (LENGTH)	
				1 THANH (01 BAR)	≥THANH (SUBTOTAL)
3-1	L1=1138,L2=561	12	4	3.578	14.312
3-2	L1=1053,L2=561	12	4	3.408	13.632
3-3	L1=968,L2=561	12	4	3.238	12.952
3-4	L1=883,L2=561	12	4	3.068	12.272
3-5	L1=799,L2=561	12	4	2.900	11.600
3-6	L1=714,L2=561	12	4	2.730	10.920
3-7	L1=629,L2=561	12	4	2.560	10.240
3-8	L1=544,L2=561	12	4	2.390	9.560
3-9	L1=459,L2=561	12	4	2.220	8.880
				Σ = 104.368	
5-1	L=9950	16	4	9.950	39.800
5-2	L=7884	16	2	8.961	17.922
5-3	L=8947	16	2	7.926	15.852
				Σ = 73.574	
10-1	L=9108	20	2	9.108	18.216
10-2	L=9878	20	2	9.878	19.756
10-3	L=10308	20	2	10.308	20.616
10-4	L=10598	20	2	10.598	21.196
10-5	L=10802	20	2	10.802	21.604
10-6	L=10936	20	2	10.936	21.872
10-7	L=11014	22	2	11.014	22.028
10-8	L=11040	20	1	11.040	11.040
				Σ = 156.328	
12-1	L=9082	12	2	9.082	18.164
12-2	L=9742	12	2	9.742	19.484
12-3	L=10132	12	2	10.132	20.264
12-4	L=10412	12	2	10.412	20.824
12-5	L=10622	12	2	10.622	21.244
12-6	L=10782	12	2	10.782	21.564
12-7	L=10898	12	2	10.898	21.796
12-8	L=10978	12	2	10.978	21.956
12-9	L=11024	12	2	11.024	22.048
12-10	L=11040	12	1	11.040	11.040
				Σ = 198.384	
13-1	L=9110	20	2	9.110	18.220
13-2	L=9876	20	2	9.876	19.752
13-3	L=10660	20	2	10.660	21.320
13-4	L=10886	20	2	10.886	21.772
13-5	L=11008	20	2	11.008	22.016
				Σ = 103.080	

NO.	DATE	DESCRIPTIONS	BY	APRO.
REVISIONS				

PROJECT MANAGEMENT UNIT FOR
HO CHI MINH CITY
WATER ENVIRONMENT IMPROVEMENT

THE DETAILED DESIGN ON HO CHI MINH CITY
WATER ENVIRONMENT IMPROVEMENT PROJECT
IN THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM

PACKAGE E
WASTEWATER TREATMENT PLAN
CỐT THÉP TRỤ T1 & T4
(REINFORCEMENT LAYOUT
OF THE PIER T1 AND T4)

SCALE :

JICA JAPAN INTERNATIONAL COOPERATION AGENCY (JICA)

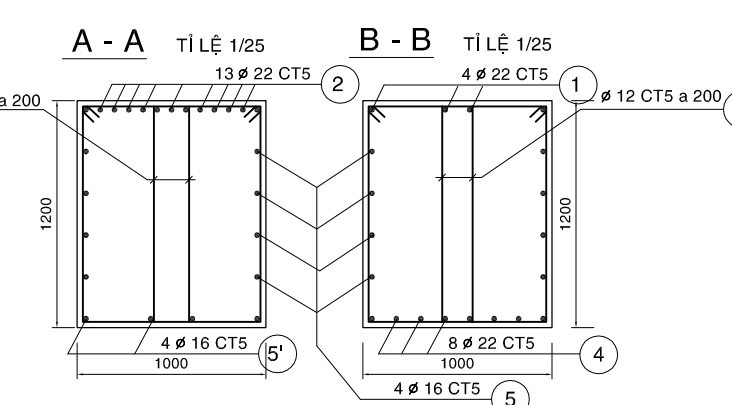
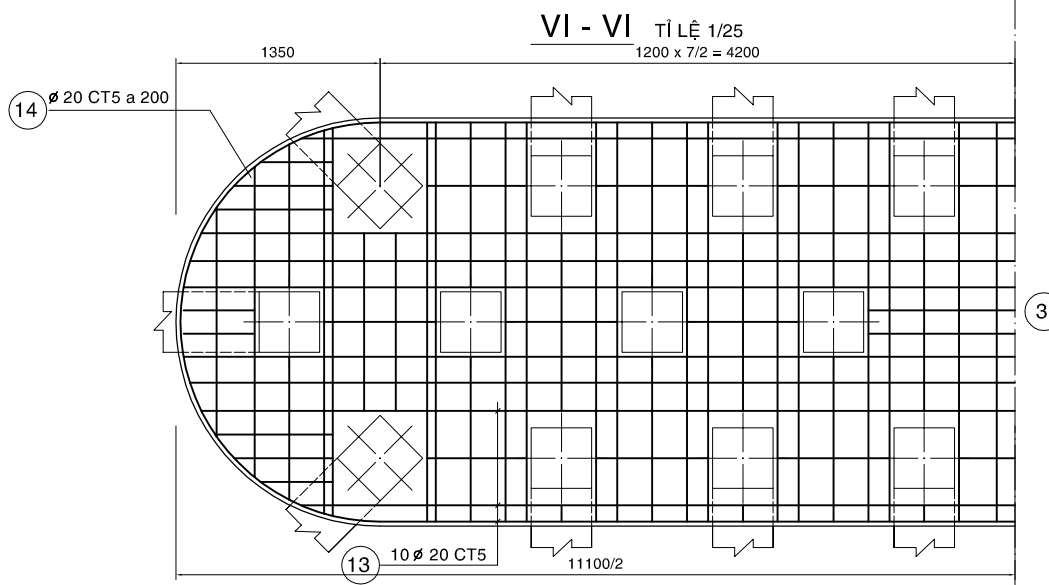
PACIFIC CONSULTANTS INTERNATIONAL

DESIGNED
KIMURA TORU

CHECKED
KONDO MASAMI

DATE : JUNE 2001

DWG.No.PE-WWTP-220-14



FOOTNOTE :

- CONCRETE OF THE PIER IS M250
- TYPE OF REINFORCEMENT $\phi > 10\text{mm}$: USE DEFORMED REINFORCEMENT SYMBOLIZED CT5
- TYPE OF REINFORCEMENT $\phi < 10\text{mm}$: USE PLAIN ROUND BAR SYMBOLIZED CT3
- THE UNIT USED IN THIS DRAWING IS MILLIMETRE

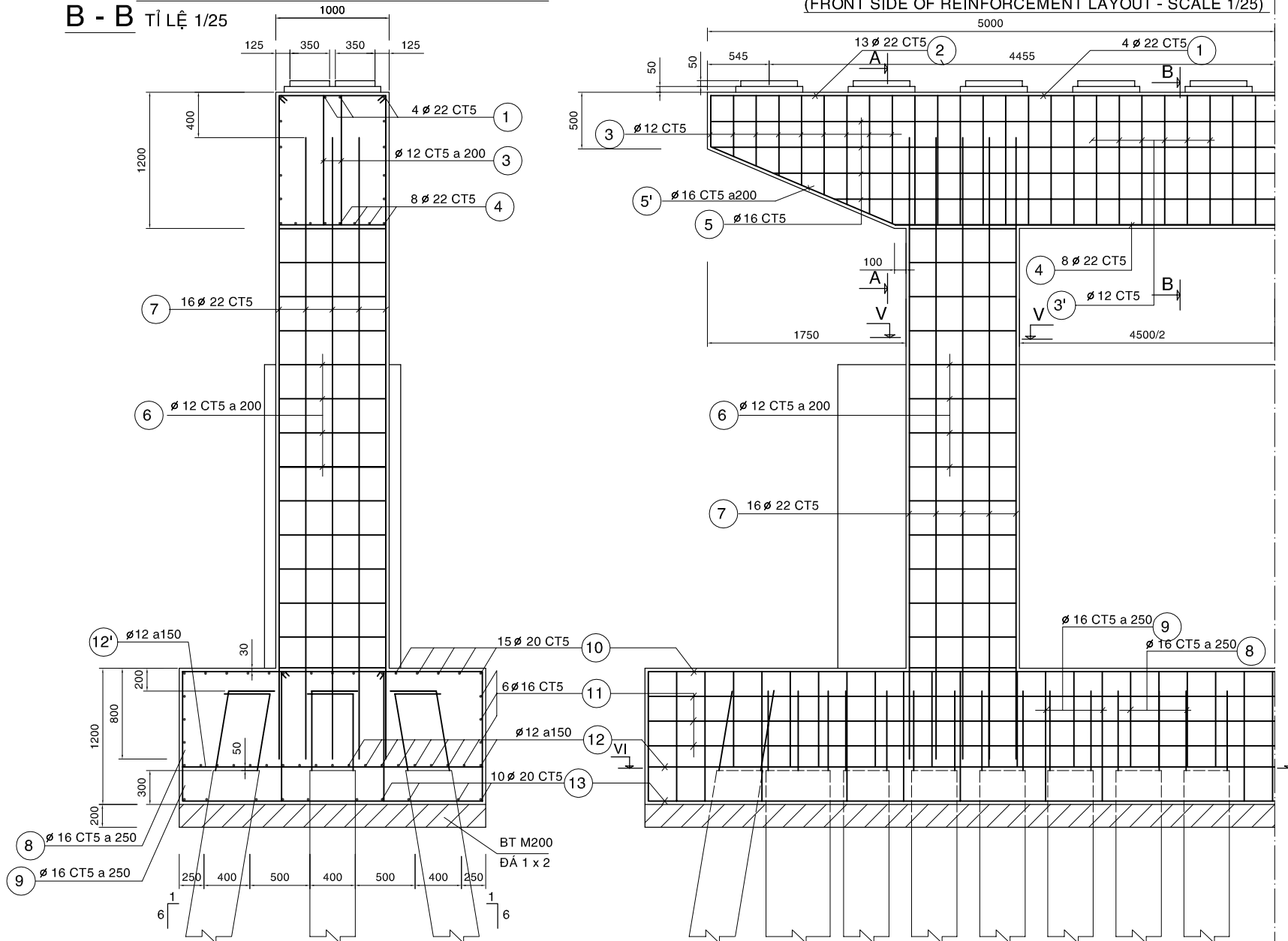
GHI CHÚ :

- CỐT THÉP $\phi > 10\text{LY}$ DÙNG LOẠI THÉP GÂN CT5
- CỐT THÉP $\phi < 10\text{LY}$ DÙNG LOẠI THÉP TRON CT3
- ĐƠN VỊ GHI TRÊN BẢN VẼ LÀ MM

TRỤ CẦU T2 & T3 (PIER T2 AND T3) CHÍNH DIỆN TRỤ TỈ LỆ 1/25

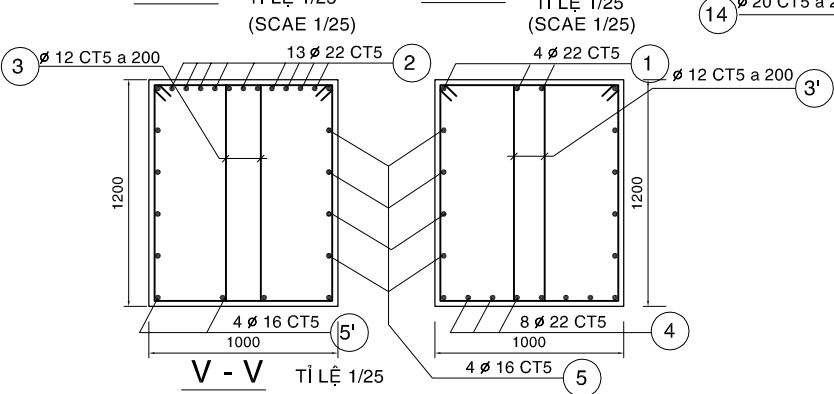
(FRONT SIDE OF REINFORCEMENT LAYOUT - SCALE 1/25)

B - B TỈ LỆ 1/25

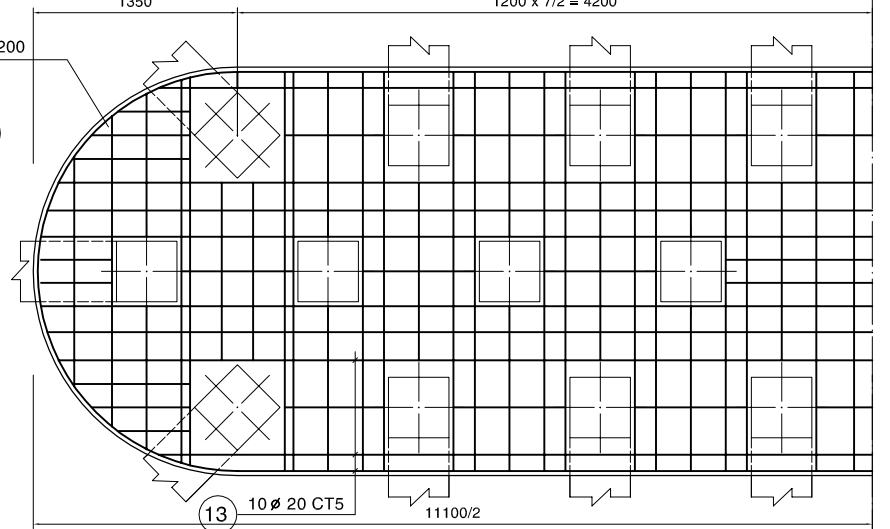


A - A TỈ LỆ 1/25 (SCALE 1/25)

B - B TỈ LỆ 1/25 (SCALE 1/25)



VI - VI TỈ LỆ 1/25 (SCALE 1/25)



FOOTNOTE :

- CONCRETE OF THE PIER IS M250
- TYPE OF REINFORCEMENT $\phi > 10\text{mm}$: USE DEFORMED REINFORCEMENT SYMBOLIZED CT5
- TYPE OF REINFORCEMENT $\phi < 10\text{mm}$: USE PLAIN ROUND BAR SYMBOLIZED CT3
- THE UNIT USED IN THIS DRAWING IS MILLIMETRE

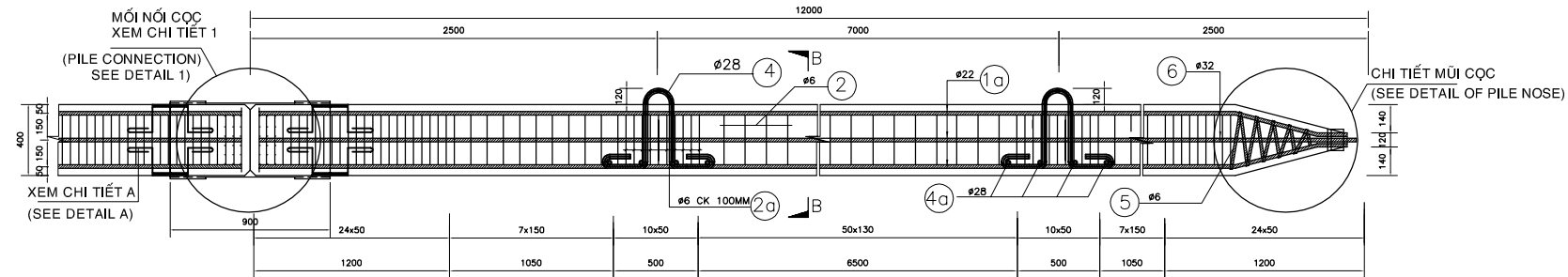
GHI CHÚ:

- CỐT THÉP $\phi > 10\text{L}$ DÙNG LOẠI THÉP GẮN CT5
- CỐT THÉP $\phi < 10\text{L}$ DÙNG LOẠI THÉP TRƠN CT3
- ĐƠN VỊ GHI TRÊN BẢN VẼ LÀ MM

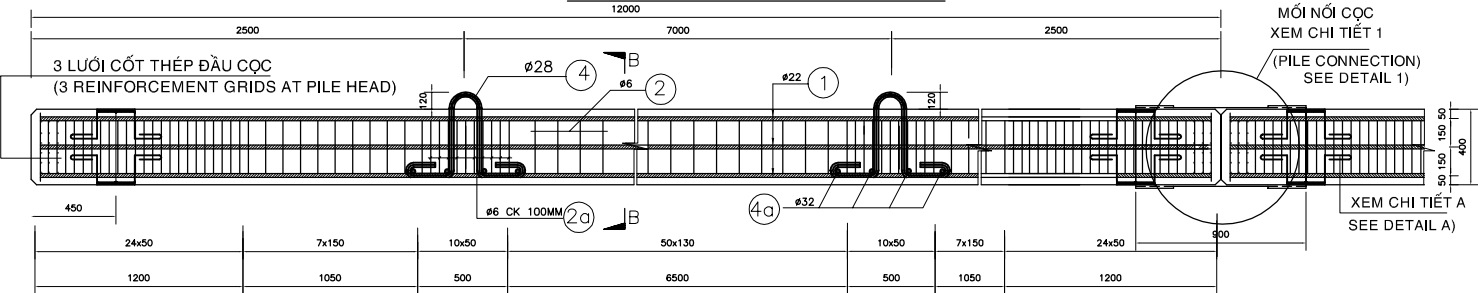
BẢNG THỐNG KÊ CỐT THÉP (CHO TRỤ T2 HOẶC T3) (LIST OF REINFORCEMENT FOR THE PIER T2 OR T3)

KÝ HIỆU (SYMBOL)	MẪU UỐN (FORM & DIMENTION)	SỐ LƯỢNG (NUMBER OF BAR)	CHIỀU DÀI (m) (LENGTH)		KL Đ/V (UNIT WEIGHT) KG	KH. LƯỢNG (TOTAL WEIGHT) KG	
			1 THANH (01 BAR)	Σ THANH (SUBTOTAL)			
1	9950	22	4	9.950	39.800	2.984	118.763
2	2725	22	18	2.725	49.050	2.984	146.365
3	L1 L2 551 90	12	XEM CHI TIẾT (SEE DETAIL)		0.888	104.368	
3'	1138 551	12	66	3.558	234.828	0.888	208.527
4	L	22	8	6.650	53.200	2.984	158.749
5	L	16	XEM CHI TIẾT (SEE DETAIL)		1.578	116.099	
5'	90 1742 90	16	12	1.942	23.304	1.578	36.774
6	928 703	12	112	3.442	385.504	0.888	342.328
7	1759 120	22	32	5.477	175.264	2.984	522.988
8	804 1759 120	16	48	5.366	257.568	1.578	406.442
9	1124 1759	16	42	6.006	252.252	1.578	398.054
10	L	20	XEM CHI TIẾT (SEE DETAIL)		2.466	385.504	
11	L						

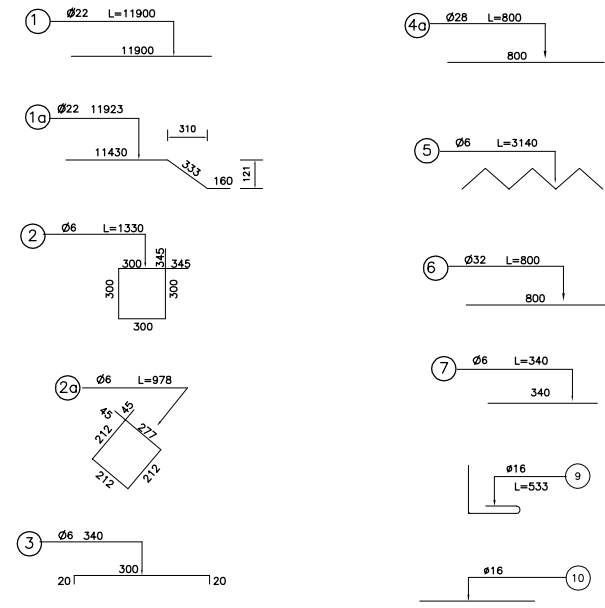
CỌC ĐOẠN I (MŨI) 12M
SEGMENT 1 OF PILE, LENGTH 12m (PILE NOSE)



CỌC ĐOẠN II 12M
SEGMENT 2 OF PILE, LENGTH 12m



QUY CÁCH THÉP
DETAIL OF REINFORCEMENT BAR



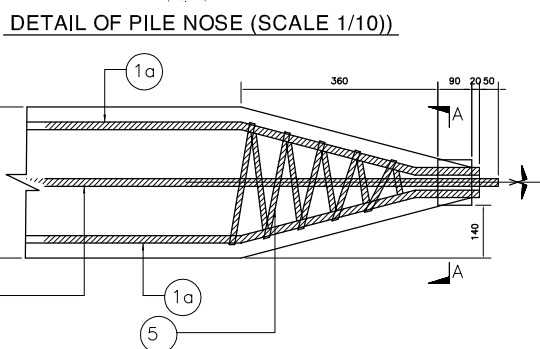
GHI CHÚ

- CỐT THÉP $\phi > 10$ LY DÙNG LOẠI THÉP GÂN CT5
- CỐT THÉP $\phi < 10$ LY DÙNG LOẠI THÉP TRON CT3
- CỌC BÊ TÔNG 40 x 40 ĐƯỢC CẮT BỎ 1M PHÍA TRÊN ĐỂ NEO CỐT THÉP DỌC VÀO BÊ TÔNG BỆ TRỤ
- ĐƠN VỊ GHI TRÊN BẢN VẼ LÀ MM

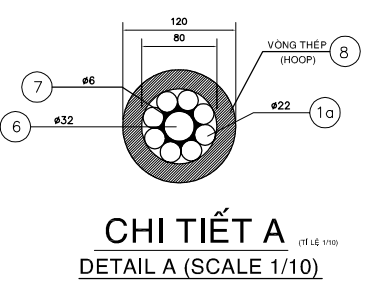
FOOTNOTE :

- TYPE OF REINFORCEMENT $\phi > 10$ mm : USE DEFORMED REINFORCEMENT SYMBOLLED CT5
- TYPE OF REINFORCEMENT $\phi < 10$ mm : USE PLAIN ROUND BAR SYMBOLLED CT3
- CUTTING 1 METRE LONG PILE HEAD (CONCRETE PART ONLY). REINFORCEMENT REMAINED AS VERTICAL-TIE SO AS TO ANCHOR PILE'S LONGITUDINAL REINFORCEMENT TO THE ABUTMENT PLATFORMS CONCRETE.
- THE UNIT USED IN THIS DRAWING IS MILLIMETRE

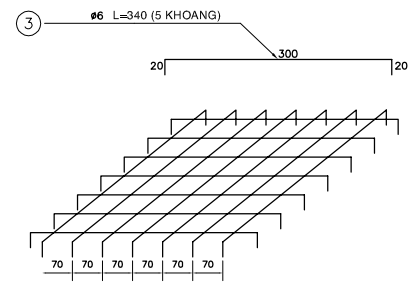
CHI TIẾT MŨI CỌC



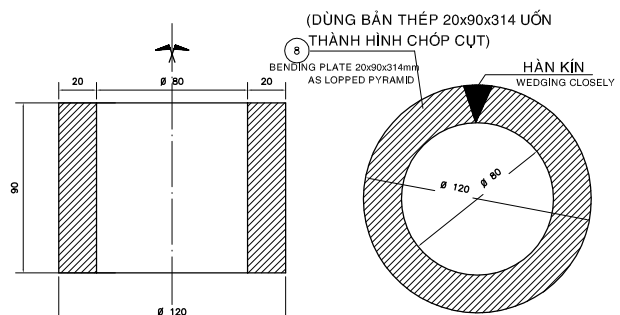
MẶT CẮT A - A
CROSS SECTION A-A



LƯỚI THÉP ĐẦU CỌC
REINFORCEMENT GRID AT THE PILE HEAD



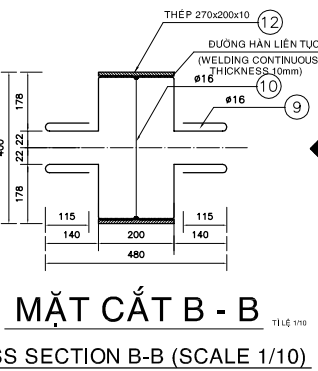
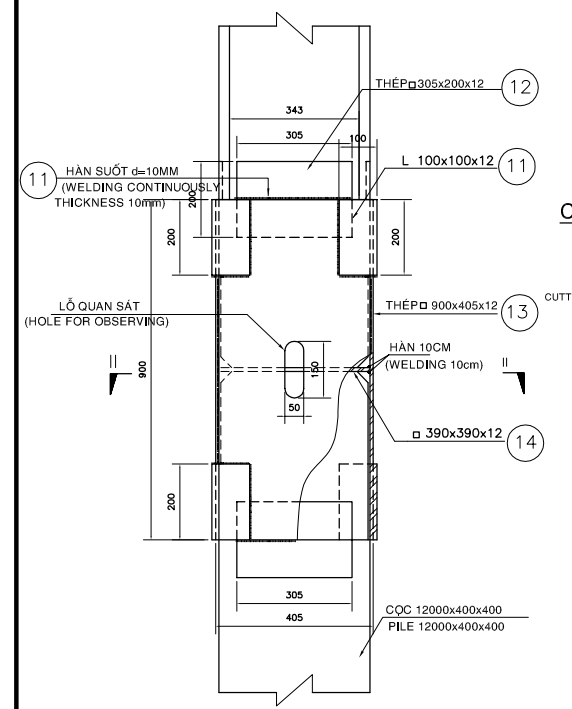
VÒNG THÉP 8
HOOP 8 (SCALE 1/2)



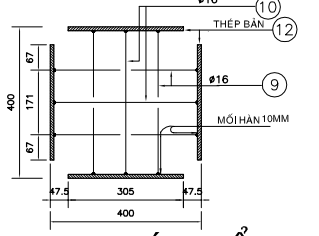
GHI CHÚ

- KÍCH THƯỚC TRONG BẢN VẼ DÙNG MİLIMET, QUY CÁCH THÉP VÀ KHAI TRIỂN CHI TIẾT DÙNG ĐƠN VỊ MİLIMET
- ĐẶC TRƯNG KỸ THUẬT CỦA CỌC:
_ CỐT THÉP TRON AI : $R_b = 1900$ KG/CM²
_ CỐT THÉP CÓ GỠ AII : $R_b = 2400$ KG/CM²
_ BÊ TÔNG M300
- TỔ HỢP CỌC GỒM 3 ĐOẠN:
L = 12m (ĐOẠN 1) + 12m (ĐOẠN 2) + 12m (ĐOẠN 3) = 36M
- CỌC ĐOẠN 3 CÓ CẤU TẠO GIỐNG CỌC ĐOẠN 2 NHƯNG PHẦN THÉP CHI TIẾT A CHỈ GIA CÔNG Ở 1 ĐẦU

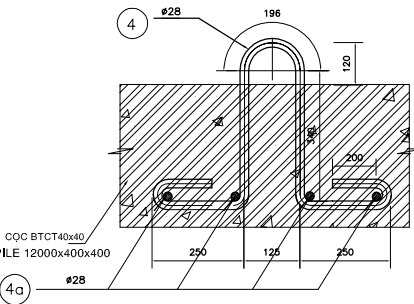
MỐI NỐI CỌC (CHI TIẾT 1)
PILE CONNECTION (DETAIL 1) - (SCALE 1/10)



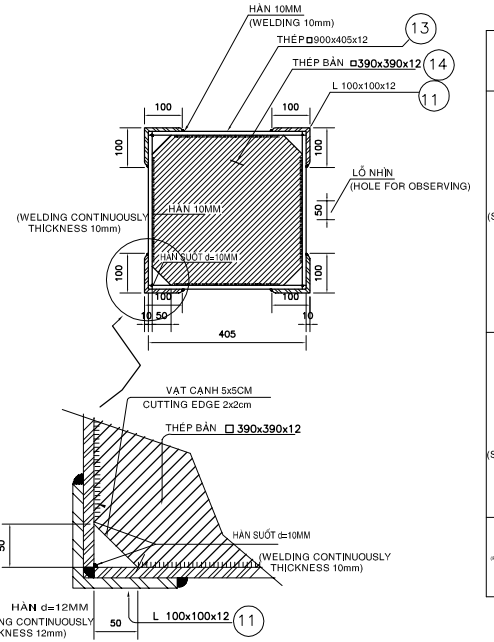
HƯỚNG E
DIRECTION E



MÓC CỬ CỌC
THE HOOK



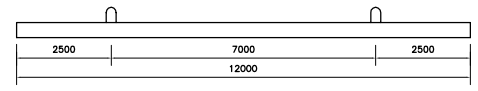
MẶT CẮT II - II
CROSS SECTION II-II



BẢNG THỐNG KÊ VẬT LIỆU

STT CỌC (NO.)	STT CỤM (GROUP)	QUY CÁCH CỐT THÉP (REINFORCEMENT)	QUY CÁCH BÊ TÔNG (CONCRETE)	SỐ QUÂN (NO. OF PILES)	TỔNG KHỐI LƯỢNG (TOTAL WEIGHT) (kg)	TỔNG GIÁ TRỊ (TOTAL COST) (VN\$)	
ĐOẠN I CỌC MŨI L=12M (SEGMENT 1 - NOSE)	1a	22 (CT5)	11923	8	285	-06 72,259	
	2	6 (CT3)	1290	134	38,375	-022 285	
	2a	6 (CT3)	938	134	27,904	-028 48,108	
	3	6 (CT3)	340	42	3,170	-016 7,916	
	4	28 (CT3)	1776	2	17,170	-032 5,05	
	4a	28 (CT3)	800	8	30,938		
	5	6 (CT3)	3140	1	0,697		
	6	32 (CT3)	800	1	5,25		
	7	6 (CT3)	340	28	2,113		
	8	30x20	314	1	1,111		
ĐOẠN II CỌC GIỮ L=12M (SEGMENT 2)	1	22 (CT5)	11900	8	284,077		
	2	6 (CT3)	1290	134	38,375	-06 72,619	
	2a	6 (CT3)	938	134	27,904	-028 48,108	
	3	6 (CT3)	340	84	6,340	-022 284,077	
	4	28 (CT3)	1776	2	17,170	-016 7,323	
	4a	28 (CT3)	800	8	30,938		
	9	16 (CT3)	340	8	6,729		
	10	16 (CT3)	405	4	0,594		
	HỘP NỐI CỌC (PILE CONNECTION)	11	L100x12	100	8	1,885	
		12	D2x200	305	8	11,501	
13		D2x405	900	2	17,180		
14		D2x390	390	1	3,585		

SƠ ĐỒ BỐ DỮ CỌC
OUTLINE OF CRANING PILE (SCALE 1/100)



NO.	DATE	DESCRIPTIONS	BY	APPRO.

REVISIONS

PROJECT MANAGEMENT UNIT FOR
HO CHI MINH CITY
WATER ENVIRONMENT IMPROVEMENT

THE DETAILED DESIGN ON HO CHI MINH CITY
WATER ENVIRONMENT IMPROVEMENT PROJECT
IN THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM

PACKAGE E
WASTEWATER TREATMENT PLAN

CỌC BTCT 40x40cm
REINFORCED CONCRETE PILE
40 x 40 cm

SCALE : 1/2, 1/10, 1/100

JICA JAPAN INTERNATIONAL COOPERATION AGENCY (JICA)

PACIFIC CONSULTANTS INTERNATIONAL

DESIGNED: KIMURA TORU
CHECKED: KONDO MASAMI

DATE : JUNE 2001 DWG.No.PE-WWTP-220-16